

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-9-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

Bà **Nguyễn Thị Cẩm Giang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trịnh Minh Quân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1977; (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Phạm Thanh B**, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Hòa B, xã Hòa T, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Thanh B chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo vào năm 2006. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ cự cãi nhau, sống không hạnh phúc, hai người ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con tên Phạm Thị Thanh Ng sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và Phạm Thanh T sinh ngày 31/01/2012, hiện cháu T đang sống với anh B. Khi ly hôn chị L đồng ý giao cháu T cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng con, chị không cấp dưỡng nuôi con do anh B không có yêu cầu, khi nào anh B có yêu cầu cấp dưỡng thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Thanh B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Giao Phạm Thanh T sinh ngày 31/01/2012 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không cấp dưỡng nuôi con, do anh B không có yêu cầu.

Về tài sản chung: không có tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thanh B tranh chấp về việc ly hôn; bị đơn hiện cư trú tại ấp Hòa Bình, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Chị Nguyễn Thị L có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Phạm Thanh B vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập (tổng đạt) hợp lệ. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thanh B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/7/2006. Hội đồng xét xử xét thấy, khi chị L có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng anh B không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, các lần hòa giải và tại phiên tòa anh B vắng mặt không có lý do. Điều đó đã cho thấy anh B không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh chị. Quá trình giải quyết vụ án anh B không có ý kiến, không tham gia hòa giải cũng như tham dự phiên tòa nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Xét thấy tình cảm và đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận cho chị L ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Phạm Thị Thanh Ng sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và Phạm Thanh T sinh ngày 31/01/2012, hiện cháu T đang sống với anh B. Sau ly hôn chị L đồng ý giao cháu T cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng con, do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Phạm Thanh B không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Chị L đồng ý cấp dưỡng khi anh B có yêu cầu cấp

dưỡng thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Anh B có quyền yêu cầu Tòa án xem xét về cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Thanh B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh T sinh ngày 31/01/2012 cho anh Phạm Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị L đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024754 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị L, anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Phương

